

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 4139/QĐ-UBND

Thái Thụy, ngày 08 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XIX- Kỳ họp thứ 11 về việc phê duyệt dự toán ngân sách năm 2021;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai tình hình thực thực hiện dự toán ngân sách huyện 9 tháng năm 2021, theo các biểu đính kèm.

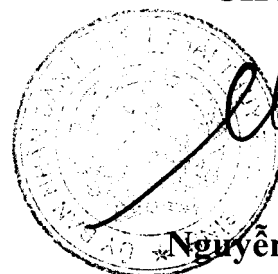
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục trưởng Chi cục thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận :**

- Sở Tài chính;
- TT Huyện uỷ, HĐND;
- CT, các phó CT UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu VP, TCKH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hóa

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY**

**THUYẾT MINH**

**Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2021**

*(Kèm theo Quyết định số 4439/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND huyện)*

**1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách:**

Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) thực hiện 802,835 tỷ đồng bằng 85,8% dự toán năm, bằng 91,7% so cùng kỳ. Một số chỉ tiêu thu thực hiện như sau:

- Thu tại địa bàn thực hiện 434,665 tỷ đồng đạt 90,95% dự toán năm, tăng 82,27% so với cùng kỳ. Trong đó ngân sách huyện thực hiện 133,718 tỷ đồng, ngân sách cấp xã thực hiện 61,152 tỷ đồng :

+ Thuế ngoài quốc doanh thực hiện 143,422 tỷ đồng (NS cấp huyện 81,5 tỷ đồng, NS cấp xã 11,16 tỷ đồng), đạt 60,68% dự toán năm; tăng 65,37% so với cùng kỳ.

+ Thuế thu nhập cá nhân thực hiện 16,272 tỷ đồng, tăng 41,5% dự toán năm; tăng 23,7% so cùng kỳ .

+ Lệ phí trước bạ thực hiện 30,47 tỷ đồng, đạt 87% dự toán năm, tăng 16,48% so với cùng kỳ.

+ Thu cấp quyền sử dụng đất thực hiện 157,45 tỷ đồng, đạt 100,17% dự toán năm, tăng 242,57% so với cùng kỳ.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên thực hiện 525,296 tỷ đồng đạt 86,57% dự toán năm. Trong đó bổ sung cân đối 402,6 tỷ đồng đạt 75% dự toán năm; bổ sung có mục tiêu 122,696 tỷ đồng đạt 175,75% dự toán năm.

- Thu chuyên nguồn ngân sách 75,578 tỷ đồng (ngân sách cấp huyện 56,4 tỷ đồng; NS cấp xã 19,1 tỷ đồng).

**2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách:**

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 714,463 tỷ đồng đạt 76,3% dự toán năm, bằng 88,35% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

- Chi phát triển kinh tế thực hiện 84,208 tỷ đồng đạt 52,95% dự toán năm, bằng 45,35% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 12% trong tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

- Chi tiêu dùng thường xuyên thực hiện 616,568 tỷ đồng đạt 80,1% dự toán năm, bằng 100,3% so với cùng kỳ 2020.

**3. Sử dụng dự phòng ngân sách:**

UBND huyện đã sử dụng dự phòng ngân sách cấp huyện cho một số nhiệm vụ phát sinh là 5373 tỷ đồng, bằng 100% dự toán năm; trong đó chi hỗ trợ công tác tăng cường quản lý và ngăn ngừa pháo nổ là 573 triệu đồng, quà đối tượng chính sách nhân dịp Tết Tân Sửu 3.623 triệu đồng, hỗ trợ cách ly tập trung phòng chống dịch Covid - 19 trên địa bàn huyện 192 triệu đồng, chi hỗ trợ phòng chống dịch Cúm gia cầm 77 triệu đồng, chi phòng chống lụt bão.

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 4139 /QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND huyện)

DVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>936.174</b>	<b>802.835</b>	<b>85,8</b>	<b>91,7</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>329.397</b>	<b>191.638</b>	<b>58,2</b>	<b>131,4</b>
1	Thu nội địa	329.397	191.638	58,2	131,4
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước sang</b>	<b>-</b>	<b>75.578</b>		<b>83,8</b>
<b>III</b>	<b>Thu trợ cấp ngân sách tỉnh</b>	<b>606.777</b>	<b>525.296</b>	<b>86,6</b>	<b>83,4</b>
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>606</b>		
<b>V</b>	<b>Các khoản ghi thu trên địa bàn</b>		<b>9.717</b>		<b>168,8</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>936.174</b>	<b>714.463</b>	<b>76,3</b>	<b>88,3</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>936.174</b>	<b>700.777</b>	<b>74,9</b>	<b>87,5</b>
1	Chi đầu tư phát triển	211.459	121.482	57,4	45,1
2	Chi thường xuyên	717.302	579.295	80,8	108,9
3	Dự phòng ngân sách	7.413			
<b>II</b>	<b>Chi chương trình mục tiêu quốc gia</b>				
<b>III</b>	<b>Các khoản ghi chi trên địa bàn</b>		<b>9.717</b>		<b>168,8</b>
<b>IV</b>	<b>Chi tạm ứng ngân sách</b>		<b>3.969</b>		<b>152,1</b>

- H

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2021**  
(Kèm theo Quyết định số 4139/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND huyện)

DVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>477.907</b>	<b>434.665</b>	<b>90,95</b>	<b>182,27</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>477.907</b>	<b>434.665</b>	<b>90,95</b>	<b>182,27</b>
1	Thu từ khu vực DNNN		31.453		6.379,91
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		164,00		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	236.340	143.422	60,68	165,37
4	Thuế thu nhập cá nhân	11.500	16.272	141,50	123,71
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	35.000	30.471	87,06	116,48
7	Thu phí, lệ phí	19.350	14.163	73,19	85,09
8	Các khoản thu về nhà đất	160.487	176.618	110,05	326,10
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300	566		
-	Thu tiền sử dụng đất	157.187	157.447	100,17	342,57
-	Tiền cho thuê đất, mặt nước	3.000	4.820		95
-	Thu đền bù khi nhà nước thu hồi đất		13.785		496,92
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	2.330	2.059	88,36	111,78
10	Thu khác ngân sách	5.000	4.807	96,15	72,87
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.800	1.444	51,57	72,71
12	Thu cấp quyền KT khoáng sản	5.100	13.791	270,42	44,98
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>329.397</b>	<b>191.638</b>	<b>58,18</b>	<b>128,69</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	147.890	106.207	71,82	174,75
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	181.507	85.430	47,07	96,93

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2021**  
(Kèm theo Quyết định số 4139 /QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>936.174</b>	<b>714.463</b>	<b>76,32</b>	<b>88,35</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>936.174</b>	<b>700.777</b>	<b>74,86</b>	<b>87,56</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>159.033</b>	<b>84.208</b>	<b>52,95</b>	<b>45,35</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	158.333	83.508	52,74	45,11
2	Chi đầu tư phát triển khác	700	700		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>769.728</b>	<b>616.568</b>	<b>80,10</b>	<b>100,31</b>
1	Chi an ninh quốc phòng	19.004	22.907	120,54	112,28
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	398.983	296.919	74,42	108,89
3	Chi SN y tế, dân số KHHGD	21.995	19.409	88,24	103,93
4	Chi sự nghiệp KH-CN				
5	Chi sự nghiệp VH-TT và DL	4.524	2.329	51,48	78,23
6	Chi sự nghiệp phát thanh TH	2.652	2.849	107,45	112,89
7	Chi đảm bảo xã hội	114.779	111.940	97,53	120,00
8	Chi sự nghiệp kinh tế	45.334	31.073	68,54	40,33
-	SN nông nghiệp + MTNN khác	4.669	4.246		
-	Sự nghiệp thủy lợi	826	756		
-	Sự nghiệp giao thông	7.025	5.296		
-	Vốn khuyến công, khuyến thương	494			
-	Sự nghiệp kinh tế khác	5.145	930		
-	Chi hỗ trợ cấp bù thủy lợi phí	27.175	19.845		
9	Chi sự nghiệp môi trường	3.889	4.571	117,54	109,43
10	Chi quy hoạch kiểm kê đất đai cấp GCN quyền SD đất	3.203	1.629	50,87	
11	Chi quản lý hành chính	151.143	122.557	81,09	101,45
12	Chi khác ngân sách	2.407	384	15,96	
13	Chi hỗ trợ khác	1.520			
14	TK chi TX giành nguồn CCTL	295		-	
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>7.413</b>			
<b>B</b>	<b>CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>				
<b>C</b>	<b>CHI TẠM ỨNG NGÂN SÁCH</b>		<b>3.969</b>		
<b>D</b>	<b>CÁC KHOẢN GHI CHI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN</b>		<b>9.717</b>		<b>168,76</b>